

Bản án số: 107/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 6 - 2022

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tăng Thị Nhở

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Sol

Ông Nguyễn Lê

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc “*Xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp Công N1, xã Tân Hưng Đ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ty P, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp Công N1, xã Tân Hưng Đ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2022 nguyên đơn là chị Lê Thị Đ trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ty P sống với nhau từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2001 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và nhiều nguyên nhân khác nên từ đó sống ly thân cho đến nay. Hiện nay anh Ty P cũng đã có vợ khác. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ty P.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh P có 01 người con chung tên Lê Thị N sinh ngày 09/7/2001 đang sống cùng chị Đ. Con đã trưởng thành nên chị tôn trọng quyết định của con, muốn sống cùng ai cũng được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, do bận đi làm ăn xa, tình hình dịch bệnh không thể tham gia các phiên họp hòa giải và các phiên tòa xét xử của Tòa án, chị Lê Thị Đ xin vắng mặt toàn bộ.

*\* Tại đơn trình bày ý kiến ngày 12/5/2022, bị đơn là anh Nguyễn Ty P trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Anh thống nhất với chị Đ về thời gian chung sống, anh và chị Đ sống chung không có đăng ký kết hôn từ năm 1999. Quá trình chung sống giữa anh và chị Đ có xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn và không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc với nhau. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống anh và chị Đ có 01 người con chung tên Lê Thị N sinh ngày 09/7/2001 đang sống cùng chị Đ. Con đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung, nợ riêng:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh phải đi làm ăn xa, không thể sắp xếp thời gian nên anh yêu cầu Tòa án được vắng mặt tại các phiên hòa giải và các phiên tòa xét xử, anh không thắc mắc và khiếu nại về sau.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Ty P là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Xin ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; anh Nguyễn Ty P có địa chỉ cư trú ấp Nghĩa Hiệp, xã Tân Hưng Đ, huyện Cái Nước, do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Ty P đều có đơn yêu cầu vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị Đ, anh P theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Ty P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, nhưng không đăng ký kết hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh P chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Ty P là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh P và chị Đ có 01 người con chung tên Lê Thị N sinh ngày 09/7/2001 đang sống cùng chị Đ. Xét thấy, cháu N đã thành niên nên có quyền tự mình định đoạt việc sống cùng ai và các bên đương sự cũng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, nợ riêng:

Về tài sản chung: Chị Đ và anh P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung, nợ riêng: Chị Đ và anh P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Ty P là vợ chồng.

2. Về con chung: Quá trình chung sống anh P và chị Đ có 01 người con chung tên Lê Thị N sinh ngày 09/7/2001 đang sống cùng chị Đ. Xét thấy, cháu N đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Đ phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 25 tháng 4 năm 2022 chị Đ có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008065 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân*

*sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Tăng Thị Nhớ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Sol**

**Nguyễn Lê**

**Tăng Thị Nhớ**



